**Phụ lục**

**CÁC BIỂU MẪU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2019/TT-BKHCN*

*ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Ký hiệu mẫu** | **Tên mẫu** |
| 1 | **Mẫu số 1** | Phiếu ghi ý kiến thành viên Hội đồng |
| 2 | **Mẫu số 2** | Biên bản họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ Nghị định thư |
| 3 | **Mẫu số 3** | Thuyết minh nhiệm vụ Nghị định thư |
| 4 | Mẫu số 4 | Cam kết của Tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ Nghị định thư |
| 5 | Mẫu số 5 | Lý lịch khoa học |
| 6 | **Mẫu số 6** | Biên bản mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn nhiệm vụ Nghị định thư |
| 7 | **Mẫu số 7** | Phiếu nhận xét tuyển chọn nhiệm vụ Nghị định thư |
| 8 | Mẫu số 8 | Phiếu đánh giá tuyển chọn nhiệm vụ Nghị định thư |
| 9 | **Mẫu số 9** | Biên bản kiểm phiếu đánh giá tuyển chọn nhiệm vụ Nghị định thư |
| 10 | Mẫu số 10 | Bảng tổng hợp kết quả đánh giá tuyển chọn nhiệm vụ Nghị định thư |
| 11 | **Mẫu số 11** | Biên bản họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn nhiệm vụ Nghị định thư |
| 12 | **Mẫu số 12** | Phiếu thẩm định kinh phí nhiệm vụ Nghị định thư |
| 13 | **Mẫu số 13** | Biên bản thẩm định kinh phí nhiệm vụ Nghị định thư |
| 14 | **Mẫu số 14** | Báo cáo hợp tác quốc tế của nhiệm vụ Nghị định thư |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ** | **Mẫu số 1**  10/2019/TT-BKHCN  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 20...* |

# PHIẾU GHI Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

**1.** Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ Nghị định thư hợp tác với ............ theo Quyết định thành lập Hội đồng số …....../QĐ-BKHCN ngày … /…./...... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

**2.** Họ và tên thành viên Hội đồng: ..............................................................................................

**3.** Ý kiến của thành viên Hội đồng:

**a) Vấn đề ưu tiên hợp tác thực hiện nhiệm vụ Nghị định thư**

*(Nêu rõ các vấn đề cần ưu tiên hợp tác để thống nhất với đối tác và cùng tuyển chọn nhiệm vụ Nghị định thư)*

**b) Yêu cầu cụ thể đối với nhiệm vụ Nghị định thư**

*(Nêu các yêu cầu đối với nhiệm vụ Nghị định thư trên cơ sở thế mạnh và tiềm năng của đối tác nước ngoài\*, yêu cầu về thời gian thực hiện, kinh phí, nguồn lực... và những yêu cầu đặc thù khác)*

**c) Yêu cầu về sản phẩm của nhiệm vụ Nghị định thư**

*(Nêu định hướng về yêu cầu đối với sản phẩm hoặc mức độ tiên tiến cần đạt về chất lượng và trình độ KH&CN của sản phẩm tạo ra so với các sản phẩm tương tự; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt đối với công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN (nếu có)...)*

**d) Kiến nghị khác của thành viên Hội đồng**

**Thành viên Hội đồng**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

\*Đối với đối tác nước ngoài có quan hệ truyền thống đặc biệt: nêu tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu, khả năng ứng dụng, phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu cho đối tác nước ngoài

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ** | **Mẫu số 2**  10/2019/TT-BKHCN  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 20...* |

# BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH

# NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ

**I*.* THÔNG TIN CHUNG**

**1**. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ Nghị định thư hợp tác với ….. theo Quyết định thành lập Hội đồng …/QĐ-BKHCN ngày …/…/… của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

**2**. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:..., ngày... / .../20...

**3**. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên: .../...

- Vắng mặt: …... người, gồm các thành viên:................................................................................

**4**. Khách mời tham dự họp Hội đồng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Đơn vị công tác** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**II*.* NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG**

**1**. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng và trình bày nội dung Nghị định thư, kết quả trao đổi sơ bộ với đối tác nước ngoài về các vấn đề ưu tiên hợp tác, các yêu cầu và kế hoạch hợp tác đối với nhiệm vụ Nghị định thư.

**2**. Đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ tóm tắt trình tự và phương thức làm việc của Hội đồng.

**3**. Hội đồng thảo luận và thống nhất về các nội dung:

**a)** **Vấn đề ưu tiên hợp tác thực hiện nhiệm vụ Nghị định thư**

**b) Yêu cầu cụ thể đối với nhiệm vụ Nghị định thư**

**c) Yêu cầu về sản phẩm của nhiệm vụ Nghị định thư**

**4**. Kiến nghị khác của Hội đồng

**5**. Hội đồng thông qua Biên bản phiên họp

**6**. Kết luận

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký khoa học**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **Chủ tịch Hội đồng**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 3**

10/2019/TT-BKHCN

# THUYẾT MINH

# NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1**. **Tên nhiệm vụ**

***-*** *Tên tiếng Việt:*

*- Tên tiếng Anh:*

**2.****Lĩnh vực khoa học**

**3.****Thời gian thực hiện***: … tháng; Bắt đầu:…. Kết thúc…*

**4. Tổ chức chủ trì phía Việt Nam**

Tên tổ chức chủ trì: ................................................................................................................

Điện thoại: ...................................... Fax: ...............................................................................

E-mail: ....................................................................................................................................

Website: ..................................................................................................................................

Địa chỉ: ....................................................................................................................................

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:..................................................................................................

Số tài khoản: ...........................................................................................................................

Kho bạc nhà nước/Ngân hàng: ...............................................................................................

Tên cơ quan chủ quản của tổ chức: ........................................................................................

*Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì:*

*...*

**5.****Chủ nhiệm nhiệm vụ phía Việt Nam**

Họ và tên:.................................................................................................................................

Ngày, tháng, năm sinh: ............................................... Nam/ Nữ: ..........................................

Học hàm, học vị, chuyên môn: ...............................................................................................

Chức danh nghiên cứu khoa học: .....................................Chức vụ: .......................................

Điện thoại: Cơ quan: ................................... Mobile: ............................................................

E-mail: ....................................................................................................................................

Lý lịch khoa học của chủ nhiệm theo ***Mẫu 5***

**6.Tổ chức phối hợp chính phía Việt Nam (nếu có)**

Điện thoại: ...................................... Fax: ...............................................................................

E-mail: ....................................................................................................................................

Website: .................................................................................................................................

Địa chỉ: ...................................................................................................................................

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.................................................................................................

Số tài khoản: ...........................................................................................................................

Ngân hàng: .............................................................................................................................

**7. Tổ chức chủ trì phía đối tác nước ngoài**

Tên tổ chức chủ trì: ................................................................................................................

Điện thoại: ...................................... Fax: ...............................................................................

E-mail: ....................................................................................................................................

Website: ..................................................................................................................................

Địa chỉ: ....................................................................................................................................

Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì phía đối tác nước ngoài

**8. Chủ nhiệm nhiệm vụ phía đối tác nước ngoài**

Họ và tên:................................................................................................................................

Ngày, tháng, năm sinh: ............................................... Nam/ Nữ: .........................................

Học hàm, học vị, chuyên môn: ...............................................................................................

Chức danh nghiên cứu khoa học:..........................................Chức vụ: ...................................

Điện thoại: Cơ quan: ........................................ Mobile: .......................................................

E-mail: ....................................................................................................................................

Tóm tắt lý lịch khoa học của chủ nhiệm nhiệm vụ phía đối tác

**9. Các cá nhân chính thực hiện nhiệm vụ phía Việt Nam** *(Ghi rõ họ tên, học hàm, học vị, đơn vị công tác, chức danh thực hiện nhiệm vụ; Lý lịch khoa học của các thành viên này gửi kèm theo Thuyết minh)*

*-*

*-*

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**10. Mục tiêu**

**-**

**-**

...

**11. Tình trạng**

Mới

Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả

Kế tiếp nghiên cứu của người khác

**12. Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, những khó khăn, thách thức về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong nước[[1]](#footnote-1)**

- Phân tích, đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu ở trong và ngoài nước (có trích dẫn các công trình nghiên cứu có liên quan đến nhiệm vụ);

- Phân tích, đánh giá tổng quan về tầm quan trọng, ý nghĩa kinh tế - xã hội của vấn đề cần nghiên cứu;

- Nêu và đánh giá cụ thể những khó khăn, thách thức trong nước đang gặp phải trong quá trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề của nhiệm vụ;

- Nêu và đánh giá việc với năng lực, kinh nghiệm, tiềm lực/thế mạnh của đối tác sẽ giúp giải quyết khó khăn trong nước đang gặp phải trong quá trình nghiên cứu và phát triển nội dung của nhiệm vụ; kết quả nghiên cứu của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ liên quan đến nhiệm vụ.

**13. Các nội dung nghiên cứu và triển khai của phía Việt Nam**

*(Liệt kê và mô tả các nội dung nghiên cứu và triển khai trong nước, mỗi công việc cần mô tả thông tin cụ thể về:*

*- Nội dung, công việc chủ yếu cần thực hiện, dự kiến thời gian bắt đầu và kết thúc;*

*- Kết quả phải đạt;*

*- Dự kiến số ngày công quy đổi và kinh phí nhân công tương ứng;*

*- Dự kiến một số nguyên, vật liệu chính và kinh phí dành cho nguyên vật liệu tương ứng;*

*- Dự kiến thiết bị, máy móc cần mua và kinh phí dành cho thiết bị, máy móc tương ứng.)*

**Nội dung 1 :** ........................................................................

Công việc 1: ........................................................................

Công việc 2: ........................................................................

..............................................................................................

**Nội dung 2:** .........................................................................

Công việc 1: ........................................................................

Công việc 2: ........................................................................

**14. Các nội dung phối hợp nghiên cứu với đối tác nước ngoài**

*(Liệt kê và mô tả những nội dung hợp tác với đối tác nước ngoài, mỗi công việc cần mô tả thông tin cụ thể về:*

* *Nội dung, công việc chủ yếu cần thực hiện, dự kiến thời gian bắt đầu và kết thúc;*
* *Kết quả phải đạt;*
* *Dự kiến số ngày công quy đổi và kinh phí nhân công tương ứng;*
* *Dự kiến một số nguyên, vật liệu chính và kinh phí dành cho nguyên vật liệu tương ứng;*
* *Dự kiến thiết bị, máy móc cần mua và kinh phí dành cho thiết bị, máy móc tương ứng.)*

**Nội dung 3 :** ........................................................................

Công việc 1: ........................................................................

Công việc 2: ........................................................................

..............................................................................................

**Nội dung 4:** .........................................................................

Công việc 1: ........................................................................

Công việc 2: ........................................................................

..............................................................................................

**15. Các nội dung hoàn thiện và làm chủ kết quả**

*(Liệt kê và mô tả những nội dung nghiên cứu và triển khai để hoàn thiện và làm chủ kết quả hợp tác với đối tác nước ngoài, mỗi công việc cần mô tả thông tin cụ thể về:*

* *Nội dung, công việc chủ yếu cần thực hiện, dự kiến thời gian bắt đầu và kết thúc;*
* *Kết quả phải đạt;*
* *Dự kiến số ngày công quy đổi và kinh phí nhân công tương ứng;*
* *Dự kiến một số nguyên, vật liệu chính và kinh phí dành cho nguyên vật liệu tương ứng;*
* *Dự kiến thiết bị, máy móc cần mua và kinh phí dành cho thiết bị, máy móc tương ứng.)*

**Nội dung 5 :** ........................................................................

Công việc 1: ........................................................................

Công việc 2: ........................................................................

..............................................................................................

**Nội dung 6:** .........................................................................

Công việc 1: ........................................................................

Công việc 2: ........................................................................

..............................................................................................

**16. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng**

*(Luận cứ rõ cách tiếp cận, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng, so sánh với các phương thức giải quyết tương tự khác, nêu được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của nhiệm vụ)*

**17. Tiến độ thực hiện** *(Áp dụng đối với thuyết minh khi thẩm định kinh phí)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các nội dung, công việc**  **chủ yếu cần được thực hiện** | **Kết quả phải đạt** | **Thời gian**  **(bắt đầu - kết thúc)** | **Cá nhân, cơ quan thực hiện** |
| **I** | **Nội dung 1:** | | | |
| 1 | - Công việc 1  1.1  1.2  … |  |  |  |
| 2 | - Công việc 2  2.1  2.2  … |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |
| **2** | **Nội dung 2:** | | | |
| 1 | - Công việc 1  1.1  1.2  … |  |  |  |
| 2 | - Công việc 2  1.1  1.2  … |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |
| **…** | **Nội dung n** | | | |
| 1 | - Công việc 1  1.1  1.2  …. |  |  |  |
| 2 | - Công việc 2  1.1  1.2  … |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |

**III. KẾT QUẢ**

**18. Sản phẩm chính và yêu cầu chất lượng cần đạt**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dạng 1:** Mẫu; sản phẩm (*là hàng hóa có thể tiêu thụ trên thị trường*); vật liệu; thiết bị; máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi; các loại khác | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Mức chất lượng** | | | **Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra** |
| **Cần đạt**  *(nêu cụ thể)* | **Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)** | |
| **Trong nước** | **Thế giới** |
| I | ii | iii | iv | v | vi | vii |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dạng 2:** Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (*phương pháp, quy trình, mô hình, ..*.); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi; và các sản phẩm khác | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Yêu cầu khoa học cần đạt**  *(nêu cụ thể)* | | | | **Ghi chú** | |
| i | ii | iii | | | | iv | |
| 1 |  |  | | | |  | |
| 2 |  |  | | | |  | |
| ... | ... |  | | | |  | |
| **Dạng 3:** Bài báo; sách chuyên khảo | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | **Dự kiến nơi công bố**  (*Tạp chí, nhà xuất bản*) | | | **Ghi chú** |
| i | ii | iii | iv | v | | | vi |
| 1 |  |  |  |  | | |  |
| 2 |  |  |  |  | | |  |
| ... | ... |  |  |  | | |  |
| **Dạng 4:** Đào tạo nguồn nhân lực | | | | | | | |
| **TT** | **Cấp đào tạo** | **Số lượng người/**  **thời gian đào tạo** | | | **Chuyên ngành/**  **nội dung đạo tạo** | | **Tại nước** |
| i | ii | iii | | | iv | | v |
| Đào tạo dài hạn | | | | | | | |
| 1 | Tiến sỹ |  | | |  | |  |
| 2 | Thạc sỹ |  | | |  | |  |
| 3 | Cử nhân |  | | |  | |  |
| 4 | Chứng chỉ khác |  | | |  | |  |
| Đào tạo/trao đổi cán bộ, chuyên gia | | | | | | | |
| 1 | Trên 1 tháng |  | | |  | |  |
| 2 | Dưới 1 tháng |  | | |  | |  |
| **Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ** | | | | | | | |
|  | | | | | | | |

**19. Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu, khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu[[2]](#footnote-2)**

- Tác động đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan, đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu, đối với kinh tế - xã hội và môi trường

- Mô tả khả năng về thị trường *(Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường)*, khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh *(khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)* phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả*,* khả năng liên kết với các doanh nghiệp trong và sau khi hoàn thành nghiên cứu, phương thức chuyển giao *(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra, ...)*

**IV. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ NGUỒN KINH PHÍ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **20** | **Kinh phí phía Việt Nam** (*triệu đồng*) | | | | | | | | |
| **TT** | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | | | |
| **Công lao động[[3]](#footnote-3)** | **Nguyên vật liệu, năng lượng** | | **Thiết bị, máy móc** | | **Hợp tác quốc tế** | **Chi khác** |
| i | ii | iii | iv | v | | vi | | vii | viii |
| 1 | Ngân sách SNKH |  |  |  | |  | |  |  |
| 2 | Nguồn tự có |  |  |  | |  | |  |  |
| 3 | Nguồn vốn khác |  |  |  | |  | |  |  |
| ***Tổng cộng*** | |  |  |  | |  | |  |  |
| **21** | **Dự kiến kinh phí của đối tác nước ngoài** | | | | | | | | |
| * Đối ứng từ chính phủ: ...................... USD * Nguồn tự có của đối tác: ...................... USD * Nguồn vốn khác: ...................... USD | | | | | | | | | |
| TT | Cụ thể các mục chi mà Việt Nam được thụ hưởng | | | | Số lượng | | Thành tiền | | |
| 1 | Đào tạo cán bộ, nghiên cứu sinh, sinh viên Việt Nam | | | |  | |  | | |
| 2 | Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, triển lãm, ... | | | |  | |  | | |
| 3 | Chi phi đi lại quốc tế cho cán bộ Việt Nam | | | |  | |  | | |
| 4 | Chi phí phân tích mẫu, trang thiết bị thụ hưởng | | | |  | |  | | |
| 5 | Phần mềm tin học, tài liệu, ấn phẩm KH&CN, ... | | | |  | |  | | |
| 6 | Khác | | | |  | |  | | |
| ***Tổng cộng*** | | | | |  | |  | | |

……., ngày.....tháng.....năm.....

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức chủ trì**  *(Ký tên, đóng dấu)* |  | **Chủ nhiệm nhiệm vụ**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Phụ lục 1 *(Áp dụng đối với thuyết minh khi thẩm định kinh phí)***

**DỰ TOÁN KINH PHÍ**

Đơn vị: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Nội dung các**  **khoản chi** | **Tổng kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng số** | | **Năm thứ nhất** | | **Năm thứ hai** | | **Năm thứ ba** | | **Tổng số** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định |
| *1* | *2* | *3* | *4=(6+8+10)* | *5=(7+9+11)* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| 1 | **Công lao động *(khoa học, phổ thông)*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Nguyên vật liệu, năng lượng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **Thiết bị, máy móc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | **Hợp tác quốc tế *(đoàn ra, đoàn vào, hội nghị, hội thảo quốc tế)*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | **Chi khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

### Phụ lục 2 *(Áp dụng đối với thuyết minh khi thẩm định kinh phí)*

### GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

**Khoản I.TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG (khoa học và phổ thông)**Đơn vị: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chức danh** | **Tổng số người** | **Tổng số ngày công quy đổi** | **Tổng kinh phí** | |
| **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài ngân sách nhà nước** |
| 1 | Chủ nhiệm đề tài |  |  |  |  |
| 2 | Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học |  |  |  |  |
| 3 | Thành viên |  |  |  |  |
| 4 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | |  |  |  |  |

# Khoản II. DỰ TOÁN CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP *(Áp dụng đối với thuyết minh khi thẩm định kinh phí)*

# Đơn vị tính: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung công việc1** | | | **Chức danh nghiên cứu2** | **Tổng số người thực hiện** | **Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)3** | **Số ngày công quy đổi**  **(Snc)4** | **Tổng kinh phí**  **(Tc)** | | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách**  **nhà nước** | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | |
| **Nội dung công việc** | | |
|  |  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | | | *3* | *4* | *5* | *6* | 7=5x6x**Lcs5** | | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| **1** | **Nghiên cứu và triển khai trong nước** | | |  | | | | | | | | | | | |
|  | 1.1. Công việc 1: | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …………….. | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Hợp tác nghiên cứu với đối tác nước ngoài** | | |  | | | | | | | | | | | |
|  | 2.1. Công việc 1: | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ………………………. | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***3*** | **Hoàn thiện và làm chủ kết quả** | | |  | | | | | | | | | | | |
| 3.1. Công việc 1: | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ……… |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| 1. Dự toán theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và phù hợp với mục 15,16,17 của thuyết minh.  2.Thành viên thực hiện phải là các cán bộ có tên tại mục 9 và phù hợp với nội dung thực hiện được phân công nêu tại mục 18 của thuyết minh.  3*.* Theo quy định tại bảng 1 điểm b khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.  4. “Hstcn” đươc xác định và tính theo quy định tại bảng 1 điểm b, khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.  5. “Snc” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.  6. Lcs Lương cơ sở do Nhà nước quy định; dự toán tiền công lao đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. |

**Khoản III. NGUYÊN VẬT LIỆU, NĂNG LƯỢNG (*Áp dụng đối với thuyết minh khi thẩm định kinh phí*)**

Đơn vị: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng số** | | **Năm thứ nhất** | | **Năm thứ hai** | | **Năm thứ ba** | | **Tổng**  **số** | Năm  thứ nhất | Năm  thứ hai | Năm  thứ ba |
| Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* |
| **I** | **Nội dung 1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***I.1*** | ***Công việc 1*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguyên vật liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Dụng cụ, phụ tùng thí nghiệm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Năng lượng, nhiên liệu thiết yếu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Sách, tài liệu, số liệu thiết yếu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***I.2*** | ***Công việc 2*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguyên vật liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Dụng cụ, phụ tùng thí nghiệm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| 1. Trường hợp đã có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật (nêu tên văn bản dùng làm căn cứ) và báo giá kèm theo.- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước. 2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi. |

**Khoản IV. THIẾT BỊ, MÁY MÓC[[4]](#footnote-4) *(Áp dụng đối với thuyết minh khi thẩm định kinh phí)*** Đơn vị: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng số** | | **Năm thứ nhất** | | **Năm thứ hai** | | **Năm thứ ba** | | **Tổng**  **số** | Năm  thứ nhất | Năm  thứ hai | Năm  thứ ba |
| Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* |
| **I** | **Nội dung 1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***I.1*** | ***Công việc 1*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Mua thiết bị, công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Thuê thiết bị (ghi rõ tên thiết bị và thời gian thuê) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Vận chuyển lắp đặt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***I.2*** | ***Công việc 2*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản V. HỢP TÁC QUỐC TẾ *(Áp dụng đối với thuyết minh khi thẩm định kinh phí)***

Đơn vị: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **SốTT** | **Nội dung** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng** | | **Năm thứ nhất** | | **Năm thứ hai** | | **Năm thứ ba** | | **Tổng** | Năm thứ  nhất | Năm thứ  hai | Năm thứ  ba |
| Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |  |  |  |  |
| **4.1** | **Đoàn ra (đi trao đổi, phân tích mẫu, học tập, nghiên cứu, thực tập, ...)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Đoàn 1: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+* | *Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và các chi phí có liên quan khác* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Đoàn...: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+* | *Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và các chi phí có liên quan khác* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4.2** | **Đoàn vào (nghiên cứu, hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo, ...)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Đoàn 1: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+* | *Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và các chi phí có liên quan khác* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Đoàn...: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+* | *Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và các chi phí có liên quan khác* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4.3** | **Hội nghị, hội thảo quốc tế** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Hội thảo 1: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian )+ (số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+* | *Dự toán chi tiết các chi phí có liên quan đến tổ chức hội nghị, hội thảo* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Hội thảo …: (Nội dung) + (địa điểm) + (thời gian) + (số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+* | *Dự toán chi tiết các chi phí có liên quan đến tổ chức hội nghị, hội thảo* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4.4** | **Khác[[5]](#footnote-5)\*\*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+* | *Thuê chuyên gia nước ngoài, phân tích mẫu ở nước ngoài, ...* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản VI*.* CHI KHÁC(*Áp dụng đối với thuyết minh khi thẩm định kinh phí*)**

Đơn vị: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **SốTT** | **Nội dung** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng** | | **Năm thứ nhất** | | **Năm thứ hai** | | **Năm thứ ba** | | **Tổng** | Năm thứ  nhất | Năm thứ  hai | Năm thứ  ba |
| Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định | Kinh phí | Trong đó, khoán chi theo quy định |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |  |  |  |  |
| **5.1** | **Công tác phí trong nước** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Chuyến 1: (Nội dung, địa điểm, thời gian, số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Chuyến 2: (Nội dung, địa điểm, thời gian, số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5.2** | **Hội nghị, hội thảo, tập huấn ngắn hạn trong nước** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Hội thảo 1: (Nội dung, địa điểm, thời gian, số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Hội thảo 2: (Nội dung, địa điểm, thời gian, số người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5.3** | **Kinh phí quản lý (***của tổ chức chủ trì, hoặc tổ chức được thuê quản lý nhiệm vụ****)*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5.4** | **Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu cơ sở** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5.5** | **Phụ cấp chủ nhiệm** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5.6** | **Chi khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | In ấn tài liệu, văn phòng phẩm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Dịch tài liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ**  **CÔNG NGHỆ ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ** | **Mẫu số 4**  10/2019/TT-BKHCN  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**  *…, ngày tháng năm 20...* |

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

........... (tên tổ chức KH&CN đăng ký chủ trì nhiệm vụ nghị định thư) cam kết:

1. (Tên Tổ chức chủ trì) và Ông (Bà) ...... đáp ứng đầy đủ năng lực và điều kiện thực hiện nhiệm vụ Nghị định thư........... (tên nhiệm vụ nghị định thư), theo quy định tại Điều ... của Thông tư số 10/2019/TT-BKHCN, ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư.

2. Bảo đảm tạo mọi điều kiện để Ông (Bà) .....hoàn thành việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư.

Xin trân trọng cảm ơn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu VT. | **THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**  *(Ký tên và đóng dấu)* |

**Mẫu số 5**

10/2019/TT-BKHCN

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

Đ ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

Đ ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.** Họ và tên: | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **2.** Năm sinh: 3.Nam/Nữ: | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **4.** Học hàm: Năm được phong học hàm:  Học vị: Năm đạt học vị: | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **5.** Chức danh nghiên cứu khoa học: Chứcvụ: | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **6.** Địa chỉ nhà riêng: | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **7.** Điện thoại: CQ: NR: Mobile:  Fax: E-mail: | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **8.** Cơ quan đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu của cá nhân đăng ký chủ nhiệm (hoặc tham gia) thực hiện nhiệm vụ:  - Tên Cơ quan:  - Điện thoại :  - Địa chỉ Cơ quan: | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9. Quá trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Bậc đào tạo | | | | | | | Nơi đào tạo | | **Chuyên môn** | | | | | **Năm tốt nghiệp** | | |
| Đại học | | | | | | |  | |  | | | | |  | | |
| Thạc sỹ | | | | | | |  | |  | | | | |  | | |
| Tiến sỹ | | | | | | |  | |  | | | | |  | | |
| Thực tập sinh khoa học | | | | | | |  | |  | | | | |  | | |
| 10. Quá trình công tác[[6]](#footnote-6) | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Thời gian(Từ năm ... đến năm...) | | | | | **Vị trí công tác** | | | | | | **Tổ chức công tác** | | | | | **Địa chỉ tổ chức** |
|  | | | | |  | | | | | |  | | | | |  |
|  | | | | |  | | | | | |  | | | | |  |
|  | | | | |  | | | | | |  | | | | |  |
|  | | | | |  | | | | | |  | | | | |  |
| **11. Các công trình khoa học đã công bố**  (*liệt kê các công trình, bài báo, báo cáo khoa học liên quan đến nhiệm vụ đã công bố trong 5 năm gần nhất*) | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | **Tên công trình**  **(***bài báo, công trình...***)** | | | | **Tác giả hoặc**  **đồng tác giả** | | | | **Nơi công bố**  **(***tên tạp chí đã đăng công trình***)** | | | | | **Năm công bố** | |
| 1 | |  | | | |  | | | |  | | | | |  | |
| 2 | |  | | | |  | | | |  | | | | |  | |
| 3 | |  | | | |  | | | |  | | | | |  | |
| 4 | |  | | | |  | | | |  | | | | |  | |
| … | |  | | | |  | | | |  | | | | |  | |
| **12. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì** | | | **Thời gian thực hiện**  ***(****bắt đầu – kết thúc****)*** | | | | | **Tình trạng đề tài**  ***(****thời điểm nghiệm thu, kết quả đạt được****)*** | | | | | | | **Cấp quản lý**  ***(****cấp nhà nước/bộ/cơ sở khác****)*** | |
|  | | |  | | | | |  | | | | | | |  | |
|  | | |  | | | | |  | | | | | | |  | |
|  | | |  | | | | |  | | | | | | |  | |
|  | | |  | | | | |  | | | | | | |  | |
| **Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia** | | | **Thời gian**  *(bắt đầu – kết thúc)* | | | | | **Tình trạng đề tài**  *(thời điểm nghiệm thu, kết quả đạt được)* | | | | | | | **Cấp quản lý**  *(cấp nhà nước/bộ/cơ sở khác)* | |
|  | | |  | | | | |  | | | | | | |  | |
|  | | |  | | | | |  | | | | | | |  | |
|  | | |  | | | | |  | | | | | | |  | |
| **13. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn liên quan đến nhiệm vụ** (nếu có) | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | Tên công trình | | | **Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng** | | | | | | | | | **Thời gian áp dụng** | | | |
| 1 |  | | |  | | | | | | | | |  | | | |
| 2 |  | | |  | | | | | | | | |  | | | |
| *…* |  | | |  | | | | | | | | |  | | | |
| **14. Giải thưởng về khoa học và công nghệ có liên quan đến nhiệm vụ *(****nếu có)* | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Hình thức và nội dung giải thưởng** | | | | | | | | | | | **Năm tặng thưởng** | | | | |
| 1 |  | | | | | | | | | | |  | | | | |
| 2 |  | | | | | | | | | | |  | | | | |
| … |  | | | | | | | | | | |  | | | | |
| **15. Thành tựu hoạt động khoa học khác liên quan đến nhiệm vụ** (nếu có) | | | | | | | | | | | | | | | | |

*................, ngày .....tháng ....năm…..*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC**[[7]](#footnote-7)  **NƠI ĐANG CÔNG TÁC CỦA CÁ NHÂN**  *(Họ tên và chữ ký của thủ trưởng tổ chức, đóng dấu)*  (Tổ chức nơi đang công tác của cá nhân) xác nhận đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông (Bà) ... chủ trì (tham gia) nghiên cứu nhiệm vụ | *Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia nghiên cứu nhiệm vụ* *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **Mẫu số 6**  10/2019/TT-BKHCN  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 20…* |

# BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

# TUYỂN CHỌN NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ

##### 1. Tên hồ sơ:

**2. Địa điểm và thời gian mở hồ sơ:**

- Địa điểm:

- Thời gian:

**3. Đại diện các cơ quan và tổ chức liên quan tham gia mở hồ sơ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên cơ quan, tổ chức** | **Họ và tên đại biểu** |
| 1 | Đại diện đơn vị quản lý nhiệm vụ, Bộ KH&CN |  |
|  |
| 2 | Đại diện đơn vị liên quan khác |  |
| 3 | .... |  |

**4. Tình trạng của các hồ sơ:**

**-** Về hiện trạng niêm phong của hồ sơ:

...

- Danh sách tài liệu của hồ sơ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh sách tài liệu của hồ sơ** | **Tình trạng hồ sơ** |
| **1** |  |  |
| **2** |  |  |
| **3** |  |  |
| **4** |  |  |
| **5** |  |  |
| **6** |  |  |
| **…** |  |  |

- Tình trạng của hồ sơ đăng ký tuyển chọn được thể hiện trong Bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nhiệm vụ, tổ chức, cá nhân đăng ký**  **tuyển chọn** | **Thông tin về tình trạng** | |
| Thời gian nộp [[8]](#footnote-8) | Số lượng các tài liệu của hồ sơ [[9]](#footnote-9) |
| 1 |  |  |  |

**5. Kết luận**:

…..

Đại diện của các bên tham gia ký xác nhận tình trạng của các hồ sơ tham gia tuyển chọn:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đại diện cho ….**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **Đại diện cho ….**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **Đại diện cho….**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ** | **Mẫu số 7**  10/2019/TT-BKHCN  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 20…* |

**PHIẾU NHẬN XÉT TUYỂN CHỌN**

**NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ**

1. **Tên nhiệm vụ:**
2. **Tổ chức chủ trì Việt Nam:**
3. **Chủ nhiệm phía Việt Nam:**
4. **Họ và tên thành viên Hội đồng**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên Hội đồng** |  |

1. **Các tiêu chí đánh giá xét duyệt:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí đánh giá** |
| **I** | **Giá trị khoa học** |
| **1** | ***Đánh giá về tính cấp thiết của nội dung nghiên cứu và việc hợp tác với đối tác nước ngoài*** |
| * Sự phù hợp của mục tiêu và nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ đối với tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước |
| * Mức độ cần thiết của việc hợp tác với đối tác nước ngoài**[[10]](#footnote-10)** |
| **2** | ***Đánh giá về cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng*** |
|  | * Tính khoa học, mới, sáng tạo của cách tiếp cận nghiên cứu |
|  | * Tính đầy đủ, phù hợp của các phương pháp nghiên cứu đối với các nội dung nghiên cứu chính để đạt được mục tiêu đề ra |
|  | * Tính phù hợp của kỹ thuật sử dụng |
| **3** | ***Giá trị gia tăng về khoa học và công nghệ*** |
|  | * Sử dụng các phương pháp nghiên cứu hiện đại, tiên tiến của thế giới để thực hiện nhiệm vụ |
|  | * Rút ngắn thời gian nghiên cứu và giải quyết được các vấn đề KH&CN trong nước đang gặp khó khăn; làm chủ công nghệ tiên tiến có tính đột phá, góp phần tạo ra sản phẩm mới, ngành sản xuất mới |
| **II** | **Giá trị hợp tác quốc tế[[11]](#footnote-11)** |
| **4** | ***Đóng góp của đối tác nước ngoài*** |
|  | * Đào tạo cán bộ nghiên cứu của Việt Nam   (đào tạo bằng cấp, đào tạo chuyên sâu, tập huấn chuyên môn) |
|  | * Hỗ trợ trang thiết bị, cơ sở nghiên cứu để thực hiện nhiệm vụ   (cung cấp hoặc cho cán bộ Việt Nam sử dụng thiết bị tại các phòng thí nghiệm của nước ngoài để phân tích mẫu, làm thí nghiệm; hỗ trợ phần mềm, tài liệu khoa học) |
|  | * Đóng góp kinh phí để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ |
|  | * Chuyển giao bí quyết, quy trình công nghệ, kinh nghiệm vượt trội của đối tác nước ngoài |
| **5** | ***Tính rõ ràng, khả thi của nội dung và kế hoạch hợp tác với đối tác nước ngoài đảm bảo việc đạt được kết quả nghiên cứu*** *(có phân công và kế hoạch thực hiện các nội dung phân công)* |
| **III** | **Tính khả thi, giá trị kết quả và tính ứng dụng** |
| **6** | ***Tính khả thi của phương án thực hiện nhiệm vụ*** |
|  | * Tính hợp lý và khả thi của phương án thực hiện nhiệm vụ |
|  | * Năng lực tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ Việt Nam   (Kinh nghiệm và thành tựu nổi bật của chủ nhiệm thuộc lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ; năng lực của tổ chức chủ trì: cơ sở vật chất, nhân lực, năng lực hợp tác quốc tế, ...) |
|  |
| **7** | ***Sản phẩm*** |
|  | * Mức độ đầy đủ, rõ ràng của các sản phẩm so với mục tiêu, nội dung nghiên cứu đặt ra |
|  | * Mức độ tiên tiến về chất lượng và trình độ KH&CN của các sản phẩm tạo ra so với sản phẩm tương tự trong nước |
|  | * Khả năng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, công bố quốc tế, đào tạo chuyên sâu (hoặc sau đại học) ở nước ngoài |
| **8** | ***Khả năng ứng dụng các sản phẩm và tác động của các kết quả nghiên cứu*** |
|  | * Tính hợp lý và khả thi của phương án ứng dụng kết quả nghiên cứu và các địa chỉ dự kiến áp dụng |
|  | * Tác động và lợi ích dự kiến của kết quả nghiên cứu |
|  | * Khả năng về thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra (dự báo nhu cầu thị trường; khả năng cạnh tranh về giá thành, chất lượng, ... so với sản phẩm, công nghệ cùng loại) |
| **9** | ***Tính hợp lý về đề xuất các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ*** |
|  | * Tính hợp lý về nhân lực thực hiện nhiệm vụ * Tính hợp lý về tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ * Tính hợp lý về nguyên vật liệu, thiết bị, máy móc |

**8. Khuyến nghị của thành viên Hội đồng** *(về những điểm cần bổ sung, sửa đổi về nội dung, kinh phí trong thuyết minh nhiệm vụ)*:

**Thành viên Hội đồng**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ** | **Mẫu số 8**  10/2019/TT-BKHCN  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm 20...* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TUYỂN CHỌN**

**NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ**

1. **Tên nhiệm vụ:**
2. **Tổ chức chủ trì:**
3. **Chủ nhiệm nhiệm vụ:**
4. **Họ và tên thành viên Hội đồng:**
5. **Các tiêu chí đánh giá xét duyệt:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Điểm của chuyên gia** |
| **I** | **Giá trị khoa học** | ***35*** |  |
| **1** | ***Đánh giá về tính cấp thiết của nội dung nghiên cứu và việc hợp tác với đối tác nước ngoài*** | ***15*** |  |
|  | * Sự phù hợp của mục tiêu và nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ đối với tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước | 10 |  |
|  | * Mức độ cần thiết của việc hợp tác với đối tác nước ngoài**[[12]](#footnote-12)** | 5 |  |
| **2** | ***Đánh giá về cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng*** | ***10*** |  |
|  | * Tính khoa học, mới, sáng tạo của cách tiếp cận nghiên cứu | 4 |  |
|  | * Tính đầy đủ, phù hợp của các phương pháp nghiên cứu đối với các nội dung nghiên cứu chính để đạt được mục tiêu đề ra | 3 |  |
|  | * Tính phù hợp của kỹ thuật sử dụng | 3 |  |
| **3** | ***Giá trị gia tăng về khoa học và công nghệ*** | ***10*** |  |
|  | * Sử dụng các phương pháp nghiên cứu hiện đại, tiên tiến của thế giới để thực hiện nhiệm vụ | 4 |  |
|  | * Rút ngắn thời gian nghiên cứu và giải quyết được các vấn đề KH&CN trong nước đang gặp khó khăn; làm chủ công nghệ tiên tiến có tính đột phá, góp phần tạo ra sản phẩm mới, ngành sản xuất mới | 6 |  |
| **II** | **Giá trị hợp tác quốc tế[[13]](#footnote-13)** | ***30*** |  |
| **4** | ***Đóng góp của đối tác nước ngoài*** | ***20*** |  |
|  | * Đào tạo cán bộ nghiên cứu của Việt Nam   (đào tạo bằng cấp, đào tạo chuyên sâu, tập huấn chuyên môn) | 4 |  |
|  | * Hỗ trợ trang thiết bị, cơ sở nghiên cứu để thực hiện nhiệm vụ   (cung cấp hoặc cho cán bộ Việt Nam sử dụng thiết bị tại các phòng thí nghiệm của nước ngoài để phân tích mẫu, làm thí nghiệm; hỗ trợ phần mềm, tài liệu khoa học) | 5 |  |
|  | * Đóng góp kinh phí để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ | 6 |  |
|  | * Chuyển giao bí quyết, quy trình công nghệ, kinh nghiệm vượt trội của đối tác nước ngoài | 5 |  |
| **5** | ***Tính rõ ràng, khả thi của nội dung và kế hoạch hợp tác với đối tác nước ngoài đảm bảo việc đạt được kết quả nghiên cứu*** *(năng lực của đối tác nước ngoài, sự hợp lý trong phân công công việc giữa các đối tác…)* | ***10*** |  |
| **III** | **Tính khả thi, giá trị kết quả và tính ứng dụng** | ***35*** |  |
| **6** | ***Tính khả thi của phương án thực hiện nhiệm vụ*** | ***5*** |  |
| * Tính hợp lý và khả thi của phương án thực hiện nhiệm vụ | 2 |  |
| * Năng lực tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ Việt Nam   (Kinh nghiệm và thành tựu nổi bật của chủ nhiệm thuộc lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ; năng lực của tổ chức chủ trì: cơ sở vật chất, nhân lực, năng lực hợp tác quốc tế, ...) | 3 |  |
| **7** | ***Sản phẩm*** | ***10*** |  |
|  | * Mức độ đầy đủ, rõ ràng của các sản phẩm so với mục tiêu, nội dung nghiên cứu đặt ra | 3 |  |
|  | * Mức độ tiên tiến về chất lượng và trình độ KH&CN của các sản phẩm tạo ra so với sản phẩm tương tự trong nước | 4 |  |
|  | * Khả năng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, công bố quốc tế, đào tạo chuyên sâu (hoặc sau đại học) ở nước ngoài | 3 |  |
| **8** | ***Khả năng ứng dụng các sản phẩm và tác động của các kết quả nghiên cứu*** | ***10*** |  |
|  | * Tính hợp lý và khả thi của phương án ứng dụng kết quả nghiên cứu và các địa chỉ dự kiến áp dụng | 3 |  |
|  | * Tác động và lợi ích dự kiến của kết quả nghiên cứu | 3 |  |
|  | * Khả năng về thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra (dự báo nhu cầu thị trường; khả năng cạnh tranh về giá thành, chất lượng, ... so với sản phẩm, công nghệ cùng loại) | 4 |  |
| **9** | ***Tính hợp lý về đề xuất các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ*** | 10 |  |
|  | * Tính hợp lý về nhân lực thực hiện nhiệm vụ | 3 |  |
|  | * Tính hợp lý về tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ | 5 |  |
|  | * Tính hợp lý về nguyên vật liệu, thiết bị, máy móc | 2 |  |
| **Tổng số** | | ***100*** |  |

**6. Khuyến nghị của thành viên Hội đồng** *(về những điểm cần bổ sung, sửa đổi về nội dung, kinh phí trong thuyết minh nhiệm vụ, những điểm cần loại bỏ do trùng lặp...)*:

**Thành viên Hội đồng**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ** | **Mẫu số 9**  10/2019/TT-BKHCN  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 20...* |

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**TUYỂN CHỌN NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên nhiệm vụ:** | | | | | | | | | | |
| **Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:** | | | | | | | | | | |
|  | | |  | | | | | | | |
| **1. Số phiếu phát ra:** | | | | |  | | **2. Số phiếu thu về:** | | | |
| **3. Số phiếu hợp lệ:** | | | | |  | | **4. Số phiếu không hợp lệ:** | | | |
| **TT** | **Họ và tên**  **thành viên hội đồng** | | **Nhóm tiêu chí đánh giá** | | | | | **Tổng số điểm** | | |
| Giá trị khoa học | | Giá trị hợp tác quốc tế | | Tính khả thi, giá trị kết quả và tính ứng dụng | |  | |
| 1 |  | |  | |  | |  | |  | |
| 2 |  | |  | |  | |  | |  | |
| 3 |  | |  | |  | |  | |  | |
| 4 |  | |  | |  | |  | |  | |
| 5 |  | |  | |  | |  | |  | |
| 6 |  | |  | |  | |  | |  | |
| 7 |  | |  | |  | |  | |  | |
|  |  | |  | |  | |  | |  | |
|  |  | |  | |  | |  | |  | |
| **Tổng số điểm trung bình** | | |  | |  | |  | |  | |

***Kết luận: Đạt Không đạt***

**BAN KIỂM PHIẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng ban**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **Thành viên thứ nhất**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **Thành viên thứ hai**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ** | **Mẫu số 10**  10/2019/TT-BKHCN  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 20...* |

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TUYỂN CHỌN**

**NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhiệm vụ** | **Tổng điểm các nhóm tiêu chí đánh giá** | | | **Tổng số điểm** |
| **Giá trị**  **khoa học** | **Giá trị**  **hợp tác**  **quốc tế** | **Tính khả thi, giá trị kết quả và tính ứng dụng** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**Trưởng Ban kiểm phiếu**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ** | **Mẫu số 11**  10/2019/TT-BKHCN  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm 20...* |

# BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG

# TƯ VẤN TUYỂN CHỌN NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ

**A. THÔNG TIN CHUNG**

##### 1. Tên nhiệm vụ:

................................................................................................................................................

##### 2. Quyết định thành lập Hội đồng:

.............../QĐ-BKHCN ngày ......../...../ ........ của Bộ trưởng Bộ KH&CN

##### 3. Phiên họp Hội đồng:

##### 3.1. Địa điểm: .................................................................................................................

##### 3.2. Thời gian họp: ........................................................................................................

##### 3.3. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên: ........./........

Vắng mặt: .............. người, gồm các thành viên: ..................................................................

**4. Khách mời tham dự họp Hội đồng:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Đơn vị công tác** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |

**B. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG**

**1.** **Thông báo chuẩn bị cho Phiên họp của Hội đồng**

Báo cáo về Biên bản mở Hồ sơ, thông báo số lượng và danh mục Hồ sơ đủ điều kiện được Hội đồng đưa vào xem xét đánh giá.

**2. Nội dung Phiên họp**

2.1. Hội đồng thảo luận, nhận định đánh giá khái quát về ưu điểm và hạn chế của từng Hồ sơ theo các tiêu chí đã quy định.

2.2. Hội đồng nghe các ủy viên phản biện đọc Bản nhận xét, phân tích từng Hồ sơ đăng ký tuyển chọn chủ trì Nhiệm vụ.

Thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có).

#### 2.3. Hội đồng trao đổi, thảo luận kỹ từng Hồ sơ theo từng tiêu chí đã được quy định, nhận xét, đánh giá, so sánh ưu điểm và hạn chế giữa các Hồ sơ.

2.4. Hội đồng kiến nghị Danh sách các hồ sơ không đủ điều kiện**:** *(không phù hợp với yêu cầu của thông báo kêu gọi)*

- Nhiệm vụ 1:

*Tên nhiệm vụ:*

*Tổ chức chủ trì:*

*Chủ nhiệm nhiệm vụ:*

- Nhiệm vụ 2:

*2.4.2.Tên nhiệm vụ:*

*Tổ chức chủ trì:*

*Chủ nhiệm nhiệm vụ:*

***….***

#### 2.5. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

Trưởng Ban: ..........................................................................

Uỷ viên: ..........................................................................

..........................................................................

2.6. Hội đồng chấm điểm đánh giá từng Hồ sơ.

*Kết quả kiểm phiếu cho điểm đánh giá các Hồ sơ được trình bày trong Biên bản kiểm phiếu đánh giá gửi kèm theo.*

2.7. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng:

2.7.1. Danh sách các hồ sơ đủ điều kiện theo thứ tự ưu tiên:*(Kết quả cụ thể thể hiện trong Bảng tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng)*

- Nhiệm vụ 1:

*Tên nhiệm vụ:*

*Tên tổ chức:*

*Họ và tên cá nhân:*

- Nhiệm vụ 2:

*Tên nhiệm vụ:*

*Tên tổ chức:*

*Họ và tên cá nhân:*

**…**

2.7.2. Kiến nghị của Hội đồng:

- Đối với hồ sơ đủ điều kiện xem xét đưa ra thực hiện cần bổ sung, chỉnh sửa theo kết luận và kiến nghị của Hội đồng, bao gồm:

- Nhiệm vụ 1:

-....

- Nhiệm vụ n:

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký khoa học**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TM. Hội đồng**  **Chủ tịch**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**NHỮNG Ý KIẾN NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

**(Ghi chép của thư ký khoa học của Hội đồng)**

**Thư ký khoa học**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  **TỔ THẨM ĐỊNH NHIỆM VỤ**  **NGHỊ ĐỊNH THƯ** | **Mẫu số 12**  10/2019/TT-BKHCN  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 20...* |

**PHIẾU THẨM ĐỊNH KINH PHÍ**

**NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên nhiệm vụ:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………............................................................................

Mã số..............

**2. Tổ chức chủ trì:**

**3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:**

**4. Họ và tên người thẩm định:**

Học hàm, học vị:…..........................................................................................

###### Chuyên môn đào tạo: …………………………………………………….....

###### Cơ quan công tác: ……………………………………………………………

**5. Ngày nhận hồ sơ thẩm định**: ngày……tháng ….. năm 20….

## II. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA TỔ THẨM ĐỊNH

## 1. Nhận xét, đánh giá chung mức độ hoàn thiện của thuyết minh và dự toán:

a. Đủ điều kiện thẩm định:

b. Không đủ điều kiện để thẩm định (nêu rõ lý do):

…...............................................................................................................................

…...............................................................................................................................

**2. Nhận xét chi tiết về dự toán kinh phí:** (*Nêu ý kiến nhận xét**những mục nào trong dự toán chưa phù hợp, nên hiệu chỉnh như thế nào là hợp lý và sơ bộ dự kiến kinh phí)*

2.1 Ý kiến nhận xét:

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

2.2 Dự kiến kinh phí:

a) Công lao động (*khoa học, phổ thông*): ………………………., trong đó:

- Ngân sách nhà nước: ……………………..

- Ngoài ngân sách nhà nước: ……………………

b) Nguyên vật liệu và năng lượng: ………………………., trong đó:

- Ngân sách nhà nước: ……………………..

- Ngoài ngân sách nhà nước: ……………………

c) Thiết bị, máy móc: ………………………., trong đó:

- Ngân sách nhà nước: ……………………..

- Ngoài ngân sách nhà nước: ……………………

d) Hợp tác quốc tế: ………………………., trong đó:

- Ngân sách nhà nước: ……………………..

- Ngoài ngân sách nhà nước: ……………………

đ) Chi khác: ………………………., trong đó:

- Ngân sách nhà nước: ……………………..

- Ngoài ngân sách nhà nước: ……………………

**III. KIẾN NGHỊ**

1. Dự kiến tổng kinh phí cần thiết: ……….. *triệu đồng, trong đó:*

a) Ngân sách nhà nước: ………………… *triệu đồng;*

b) Ngoài ngân sách nhà nước: ………………… *triệu đồng.*

2. Phương thức thực hiện:

Khoán đến sản phẩm cuối cùng

Khoán từng phần

trong đó:

- Kinh phí ngân sách nhà nước khoán: ………triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí ngân sách nhà nước không khoán: ……….triệu đồng.

*Hà Nội, ngày…….tháng ……năm …...*

#### Thành viên Tổ thẩm định

*(Ký tên và ghi rõ họ tên)*

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  **TỔ THẨM ĐỊNH NHIỆM VỤ**  **NGHỊ ĐỊNH THƯ** | **Mẫu số 13**  10/2019/TT-BKHCN  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 20...* |

# BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH KINH PHÍ

# NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên nhiệm vụ:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………....................................................................................................

Mã số..............

**2. Tổ chức chủ trì:** ................................................................................................................

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ........................................................................................................

**3. Địa điểm và thời gian họp:**

- Địa điểm:……………………………………………….............................................

- Thời gian:……giờ, ngày……..tháng……năm………….

**4. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viê**n: ……/…..

Vắng mặt: người, gồm các thành viên:

**5. Đại biểu tham dự:**

**II. KẾT LUẬN CỦA TỔ THẨM ĐỊNH**

**1. Về dự toán kinh phí**:

*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**2.** **Về tổng kinh phí cần thiết**: .................... *triệu đồng*

Trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước: .................................. *triệu đồng*

- Kinh phí từ các nguồn khác: ........................................ *triệu đồng*

**3.** **Dự kiến kinh phí theo các khoản chi từ ngân sách nhà nước**:

Đơn vị: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ (%)** | **Ngân sách SNKH** | |
| **Tổng** | **Trong đó, khoán chi theo quy định** |
| 1 | Công lao động (*khoa học, phổ thông*) |  |  |  |  |
| 2 | Nguyên vật liệu, năng lượng |  |  |  |  |
| 3 | Thiết bị, máy móc |  |  |  |  |
| 4 | Hợp tác quốc tế |  |  |  |  |
| 5 | Chi khác |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | |  |  |  |  |

**III. KIẾN NGHỊ**

**1. Phương thức thực hiện:**

Khoán đến sản phẩm cuối cùng

Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí ngân sách nhà nước khoán: *……………… triệu đồng;*

- Kinh phí ngân sách nhà nước không khoán: *……….triệu đồng.*

**2. Các kiến nghị khác (nếu có):**

*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

Biên bản được lập xong lúc…….giờ ngày ……tháng……năm…… và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tổ trưởng***  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | ***Tổ phó***  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |
|  |  |
| **Thành viên** | **Thành viên Thành viên** |
| *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *(Ký và ghi rõ họ tên) (Ký và ghi rõ họ tên)* |
|  |

**Mẫu số 14**

10/2019/TT-BKHCN

**BÁO CÁO HỢP TÁC QUỐC TẾ**

**CỦA NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ [[14]](#footnote-14)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. **Tên nhiệm vụ:**
2. **Thời gian thực hiện:**

Bắt đầu:

Kết thúc:

1. **Đối tác Việt Nam:**

a) Tên tổ chức chủ trì Việt Nam (*tên, địa chỉ, website*):

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ (*tên, điện thoại cơ quan, fax, email, điện thoại di động*)

c) Các cá nhân tham gia nghiên cứu *(tên, điện thoại cơ quan, fax, email, điện thoại di động*)

1. **Đối tác nước ngoài:**

a) Tên Cơ quan đối tác nghiên cứu nước ngoài (*tên, địa chỉ, website*)

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ (*tên, điện thoại cơ quan, fax, email, điện thoại di động*)

c) Các cá nhân tham gia

1. **Kinh phí phía Việt Nam:**

a) Tổng kinh phí:

- Kinh phí được hỗ trợ từ ngân sách SNKH : ...... triệu đồng

- Kinh phí từ nguồn khác *(tự có, vốn vay, ...):* ...... triệu đồng

b) Kinh phí đã chi:

1. **Kinh phí của đối tác nước ngoài (***ước tính theo USD***)**

**II. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH HỢP TÁC VỚI ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI**

…..

**III. KẾT QUẢ VÀ ĐÁNH GIÁ**

**1. Đoàn ra** *(nêu rõ thành phần đoàn, thời gian tổ chức đoàn)*:

- Các nội dung đã triển khai:

- Các kết quả đạt được:

- Đánh giá:

**2. Đoàn vào** *(nêu rõ thành phần đoàn, thời gian tổ chức đoàn)*:

- Các nội dung đã triển khai:

- Các kết quả đạt được:

- Đánh giá:

**3. Hội nghị, hội thảo quốc tế** *(nêu rõ số người tham gia và thời gian tổ chức)*:

- Nội dung hội nghị, hội thảo:

- Đánh giá kết quả đạt được:

**III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ:**

**1. Những vấn đề tồn tại trong quá trình hợp tác với đối tác nước ngoài**

-

-

**2. Kiến nghị giải pháp**

-

-

**3. Dự kiến các nội dung sẽ triển khai tiếp theo** (*trên cơ sở kế thừa các kết quả của Nhiệm vụ, về triển khai trong nước cũng như với đối tác nước ngoài*)

-

-

*……, ngày ...... tháng ...... năm ........*

|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TRƯỞNG**  **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**  *(Ký tên, đóng dấu)* | **CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

1. Đối với những nghiệm vụ Nghị định thư trong đó Việt Nam hỗ trợ đối tác nước ngoài có quan hệ truyền thống đặc biệt, Mục này sẽ nêu và đánh giá cụ thể những thành tựu, thế mạnh của đối tác trong nước đối với những lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ; đánh giá cụ thể những khó khăn, thách thức mà đối tác nước ngoài đang gặp phải trong quá trình nghiên cứu và triển khai về lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với đối tác nước ngoài có quan hệ truyền thống đặc biệt: nêu tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu, khả năng ứng dụng, phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu cho đối tác nước ngoài [↑](#footnote-ref-2)
3. *\*Khoa học, phổ thông* [↑](#footnote-ref-3)
4. Nêu rõ thông số kỹ thuật [↑](#footnote-ref-4)
5. \*\*Trong một số trường hợp có nội dung tài chính đặc biệt, cần có sự thẩm định của hội đồng tư vấn do Bộ KH&CN thành lập và các cấp có thẩm quyền liên quan [↑](#footnote-ref-5)
6. Nêu những tổ chức khoa học đã và đang công tác của cá nhân (kể cả kiêm nhiệm). [↑](#footnote-ref-6)
7. Ghi chú: đối với cá nhân đã nghỉ hưu không phải có phần xác nhận của tổ chức [↑](#footnote-ref-7)
8. Tính đến thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ [↑](#footnote-ref-8)
9. Hồ sơ gồm đầy đủ các loại tài liệu với số lượng đã được quy định [↑](#footnote-ref-9)
10. Đối với những đề xuất nhiệm vụ nghị định thư trong đó Việt Nam hỗ trợ đối tác nước ngoài có quan hệ truyền thống đặc biệt, tiêu chí này sẽ đánh giá sự cần thiết và nêu rõ tính tiên tiến và ưu việt của Việt Nam giúp giải quyết được vấn đề khó khăn của đối tác nước ngoài. [↑](#footnote-ref-10)
11. Đối với những đề xuất nhiệm vụ nghị định thư trong đó Việt Nam hỗ trợ đối tác nước ngoài có quan hệ truyền thống đặc biệt, Mục này sẽ đánh giá giá trị hỗ trợ của Việt Nam với đối tác nước ngoài. [↑](#footnote-ref-11)
12. Đối với những đề xuất nhiệm vụ nghị định thư trong đó Việt Nam hỗ trợ đối tác nước ngoài có quan hệ truyền thống đặc biệt, tiêu chí này sẽ đánh giá sự cần thiết và nêu rõ tính tiên tiến và ưu việt của Việt Nam giúp giải quyết được vấn đề khó khăn của đối tác nước ngoài. [↑](#footnote-ref-12)
13. Đối với những đề xuất nhiệm vụ nghị định thư trong đó Việt Nam hỗ trợ đối tác nước ngoài có quan hệ truyền thống đặc biệt, Mục này sẽ đánh giá giá trị hỗ trợ của Việt Nam với đối tác nước ngoài. [↑](#footnote-ref-13)
14. Ngoài mục tiêu đánh giá trong nước, Báo cáo này sẽ được dùng cho các phiên họp kiểm điểm kết quả thực hiện các cam kết trong Nghị định thư hợp tác với nước ngoài về KH&CN. Trong một số trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu viết báo cáo này bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài. [↑](#footnote-ref-14)